

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU ĐÔNG DƯƠNG

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét
Cho giai đoạn tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025**

Tổ chức kiểm toán:

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
THÀNH VIÊN CỦA TỔ CHỨC KIỂM TOÁN QUỐC TẾ MSI GLOBAL ALLIANCE**

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, TP. Hồ Chí Minh



MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	03 - 06
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	07 - 09
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	10 - 12
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	13
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	14 - 15
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	16 - 57

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Đầu Tư Công Nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025.

I. CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu Tư Công Nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương được chuyển đổi từ Công ty TNHH Đầu Tư Công Nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 19 ngày 14 tháng 06 năm 2016. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310103090 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25 tháng 06 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 34 ngày 07 tháng 11 năm 2025.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 798.398.860.000 VND.

Vốn góp của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025: 798.398.860.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại ngày 30/06/2025: 162B Điện Biên Phủ, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Trụ sở chính của Công ty tại ngày lập báo cáo này: 110 Cao Thắng, Phường Bàn Cờ, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty hiện được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã “DDG”.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh chính

Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống; Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Lợi nhuận sau thuế cho giai đoạn tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 lỗ 169.532.109.064 VND (Cùng kỳ kế toán năm 2024 lợi nhuận sau thuế lãi 840.096.265 VND).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cho giai đoạn tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 lỗ 287.442.987.394 VND (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 lỗ 119.917.938.120 VND).

III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo Quyết định số 1304/QĐ-SGDHN ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cổ phiếu của Công ty có mã chứng khoán là “DDG” đã bị đưa vào diện hạn chế giao dịch kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2025 vì chậm nộp báo cáo tài chính bán niên năm 2025 đã được soát xét quá 45 ngày so với thời hạn quy định.

III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Vào ngày 27 tháng 10 năm 2025, Công ty nhận được Quyết định số 1305/QĐ-SGDHN từ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc duy trì diện bị kiểm soát. Theo đó, cổ phiếu DDG của Công ty bị duy trì diện kiểm soát do Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ năm 2023 và năm 2024 là số âm; Tổ chức kiểm toán có ý kiến ngoại trừ đối với báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 và 2024; Tổ chức niêm yết chậm nộp báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán quá 30 ngày so với thời hạn quy định; Tổ chức niêm yết chậm nộp báo cáo tài chính riêng và hợp nhất bán niên năm 2024 đã được soát xét quá 30 ngày so với thời hạn quy định.

IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, danh sách Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và Đại diện Pháp luật như sau:

Hội đồng Quản trị

	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Mạnh Hiếu	Chủ tịch (từ ngày 22/07/2025)
Ông Nguyễn Thanh Quang	Chủ tịch (đến ngày 22/07/2025)
Bà Trần Kim Sa	Thành viên
Ông Nguyễn Trí Huệ	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên độc lập
Ông Trương Thế Vinh	Thành viên độc lập

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

	<u>Chức vụ</u>
Bà Trần Kim Sa	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trí Huệ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Kim Cương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Ngô Hoàng Yến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Thanh Đăng	Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Việt Duy	Trưởng ban
Ông Đặng Văn Hậu	Thành viên (từ ngày 22/07/2025)
Ông Lâm Văn Cường	Thành viên (từ ngày 22/07/2025)
Bà Vũ Thị Chinh	Thành viên (đến ngày 22/07/2025)
Bà Chu Hồng Nhung	Thành viên (đến ngày 22/07/2025)

Đại diện pháp luật

Bà Trần Kim Sa	Tổng Giám đốc
----------------	---------------

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

V. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) được bổ nhiệm thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty.

VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

VII. CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

VIII. PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Đầu Tư Công Nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Trần Kim Sa



Số: 847 /BCSX/TC/2025/AASCS

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU ĐÔNG DƯƠNG**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu Tư Công Nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương, được lập ngày 31 tháng 12 năm 2025, từ trang 10 đến trang 57, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính 06 tháng đầu năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Công ty chưa trích lập dự phòng đối với khoản phải thu bị quá hạn của ông Nguyễn Văn Hợp phát sinh từ giao dịch Công ty chuyển nhượng cổ phần tại Công ty con - Công ty Cổ phần CL. Nếu thực hiện trích lập dự phòng khoản mục này theo các quy định hiện hành thì sẽ làm tăng chỉ tiêu "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" và tăng số lỗ lũy kế trên chỉ tiêu "LNST chưa phân phối kỳ này" (Mã số 137 và 421b - Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ) và làm tăng chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" (Mã số 26 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ) với số tiền 6.665.700.011 VND.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ (Tiếp theo)

Đến ngày lập báo cáo này, chúng tôi chưa thu thập được Thư đối chiếu xác nhận số dư đối với khoản mục “Vay và nợ thuê tài chính” đang được ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Velotrade Management Limited, với tổng giá trị nợ gốc là 54.683.721.581 VND. Với những tài liệu hiện có, chúng tôi chưa đánh giá được tính hiện hữu của các khoản nợ vay này và ảnh hưởng (nếu có) đến các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có liên quan.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ Công ty Cổ phần Đầu Tư Công Nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính 06 tháng đầu năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh VIII.5 “Giả định hoạt động liên tục” của Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Theo đó, Công ty tiếp tục lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên giả định hoạt động liên tục. Tuy nhiên, tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty có chỉ số nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 363.130.182.430 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 202.676.177.445 VND) và chỉ tiêu “Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn” có khoản quá hạn chưa thanh toán là 663.751.986.489 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 539.344.867.555 VND). Điều này phản ánh hệ số khả năng thanh toán nợ hiện hành của Công ty đang gặp khó khăn, thực trạng này cùng với các vấn đề khác có thể ảnh hưởng trọng yếu đến tính hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Ban lãnh đạo Công ty vẫn quyết định lập báo cáo theo giả định hoạt động liên tục. Để giải quyết các vấn đề này phụ thuộc chủ yếu vào việc Công ty có thể (1) đàm phán với các bên cho vay và các trái chủ để tái cấu trúc lại các khoản nợ gốc và nợ lãi khi đến hạn, (2) thu được tiền từ các hàng hóa, dịch vụ đã bán, (3) các cổ đông lớn cam kết sẽ cung cấp hỗ trợ tài chính cho Công ty khi cần thiết theo các thư cam kết của các cổ đông.

Vấn đề khác

Chúng tôi lưu ý người đọc rằng ý kiến kiểm toán ngoại trừ cho năm tài chính 2024 nêu tại Báo cáo kiểm toán độc lập số 554/BCKT/TC/2025/AASCS ngày 14/05/2025 đã được Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố vào số đầu kỳ trong báo cáo này. Cụ thể, như trình bày tại Mục VIII.6 – Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm, số liệu so sánh (số liệu năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024) của một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định điều chỉnh do trích bổ sung khấu hao đối với một số nhà xưởng, máy móc và thiết bị đã ngưng khấu hao tạm thời trong năm 2024, với tổng giá trị điều chỉnh là 17.107.112.648 VND. Như vậy ý kiến kiểm toán ngoại trừ năm 2024 không còn ảnh hưởng để cần thiết nêu lại trong báo cáo soát xét này.

Vấn đề khác (Tiếp theo)

Chúng tôi xin lưu ý đến mục V.6 thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ khoản mục "Phải thu ngắn hạn khác", khoản phải thu ông Nguyễn Văn Hợp có số dư tại ngày 30/06/2025 là 45.815.000.014 VND (Tại ngày 31/12/2024 là 45.815.000.014 VND) được phát sinh từ giao dịch Công ty chuyển nhượng cổ phần tại Công ty con - Công ty Cổ phần CL trong năm 2024. Tổng giá trị giao dịch này là 80.800.000.000 VND làm tăng lợi nhuận trong năm 2024 của Công ty là 55.550.000.000 VND. Tuy nhiên, đến ngày phát hành báo cáo soát xét này khoản công nợ đã quá hạn thanh toán từ 06 tháng đến dưới 01 năm và Công ty mới chỉ thu hồi thêm 23.595.999.978 VND, số còn chưa thu được là 22.219.000.036 VND. Hiện tại, Công ty và ông Nguyễn Văn Hợp đã ký kết thỏa thuận thế chấp tài sản là 2.590.000 cổ phần của ông Nguyễn Văn Hợp tại Công ty Cổ phần CL để đảm bảo cho khoản nợ này và cam kết thanh toán trong niên độ sau.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Phó Tổng Giám đốc

DỊCH VỤ TƯ VẤN
TÀI CHÍNH KẾ TOÁN
VÀ KIỂM TOÁN
PHÍA NAM
QUẬN 1 - T.P. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Mỹ Ngọc

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 1091-2023-142-1



Mẫu số B 01a – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30/06/2025	Ngày 01/01/2025 (số điều chỉnh lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		557.899.643.220	711.995.589.943
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	29.357.316.960	5.129.649.347
1. Tiền	111		29.357.316.960	5.129.649.347
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		511.063.858.356	680.941.727.129
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	360.844.882.473	412.728.180.648
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	154.005.746.865	159.376.763.797
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	14.000.000.000	14.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	131.535.783.113	148.020.838.720
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.07	(149.322.554.095)	(53.184.056.036)
IV. Hàng tồn kho	140	V.08	11.253.181.616	19.550.498.399
1. Hàng tồn kho	141		11.253.181.616	19.550.498.399
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.225.286.288	6.373.715.068
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.13	10.775.645	53.186.245
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.214.510.643	6.320.528.823

Mẫu số B 01a – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30/06/2025	Ngày 01/01/2025 (số điều chỉnh lại)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		963.159.821.388	974.385.746.437
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		46.530.000	46.530.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		46.530.000	46.530.000
II. Tài sản cố định	220		734.947.451.249	772.572.903.910
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	726.136.184.067	762.953.502.758
- Nguyên giá	222		1.127.041.921.712	1.126.781.431.712
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(400.905.737.645)	(363.827.928.954)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.12	8.811.267.182	9.619.401.152
- Nguyên giá	225		16.162.679.425	16.162.679.425
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(7.351.412.243)	(6.543.278.273)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		119.029.418.012	91.657.388.812
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.09	119.029.418.012	91.657.388.812
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		96.613.716.970	96.774.107.856
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.04	96.613.716.970	96.774.107.856
VI. Tài sản dài hạn khác	260		12.522.705.157	13.334.815.859
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	6.142.090.528	6.451.126.734
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.153.591.517	3.231.097.517
3. Lợi thế thương mại	269	V.10	3.227.023.112	3.652.591.608
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.521.059.464.608	1.686.381.336.380

Mẫu số B 01a – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30/06/2025	Ngày 01/01/2025 (số điều chỉnh lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		924.841.047.980	920.630.810.688
I. Nợ ngắn hạn	310		921.029.825.650	914.671.767.388
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	41.796.124.411	34.374.421.642
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		8.672.322.094	11.947.022.094
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	5.134.629.120	6.487.820.602
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	195.090.650.609	152.393.859.992
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	6.584.112.927	32.189.178.666
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18;19	663.751.986.489	677.279.464.392
II. Nợ dài hạn	330		3.811.222.330	5.959.043.300
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.17	500.000.000	500.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	1.139.369.435	3.593.203.649
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		2.171.852.895	1.865.839.651
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		596.218.416.628	765.750.525.692
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	596.218.416.628	765.750.525.692
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		798.398.860.000	798.398.860.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		798.398.860.000	798.398.860.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		56.000.000.000	56.000.000.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(287.442.987.394)	(119.917.938.120)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(119.917.938.120)	(92.924.521.581)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(167.525.049.274)	(26.993.416.539)
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.21	29.262.544.022	31.269.603.812
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.521.059.464.608	1.686.381.336.380

Người lập biểu

Võ Thị Thu Vân

Kế toán trưởng

Trần Thanh Đăng

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2025

Tổng Giám đốc



Trần Kim Sa

Mẫu số B 02a – DN/HN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho giai đoạn tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01.a	62.056.307.583	120.733.591.699
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.01.b	99.767.385	198.720.111
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		61.956.540.198	120.534.871.588
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	86.324.239.317	102.311.937.706
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(24.367.699.119)	18.222.933.882
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	352.627.114	23.671.975.941
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	43.966.905.279	50.727.396.533
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23		43.091.745.491	49.885.656.538
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	VI.05	(160.390.886)	(109.662.281)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.06.a	10.512.284	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06.b	101.142.825.587	7.005.309.648
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(169.295.706.041)	(15.947.458.639)
12. Thu nhập khác	31	VI.07	747.181.256	22.028.267.749
13. Chi phí khác	32	VI.08	600.065.035	4.539.511.207
14. Lợi nhuận khác	40		147.116.221	17.488.756.542
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(169.148.589.820)	1.541.297.903
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	-	911.923.986
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.11	383.519.244	(210.722.348)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(169.532.109.064)	840.096.265
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(167.525.049.274)	892.643.508
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(2.007.059.790)	(52.547.243)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	(2.098)	12
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.13	(2.098)	12

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2025

Tổng Giám đốc

Võ Thị Thu Vân

Trần Thanh Đăng



Trần Kim Sa

Mẫu số B 03a – DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(169.148.589.820)	1.541.297.903
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		38.311.511.157	40.376.242.112
- Các khoản (hoàn nhập dự phòng)/dự phòng	03		96.138.498.057	1.444.704.823
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		533.530.054	750.045.666
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(192.236.228)	(24.753.030.977)
- Chi phí lãi vay	06		43.091.745.491	50.111.216.224
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		8.734.458.711	69.470.475.751
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		45.786.293.620	(14.922.457.275)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		8.297.316.783	(161.255.622)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(19.163.437.882)	(91.168.763.450)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		351.446.806	15.932.252
- Tiền lãi vay đã trả	14		(394.954.874)	(918.910.942)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(4.819.613.435)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		43.611.123.164	(42.504.592.721)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.015.932.200)	(56.957.536.423)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	10.000.000.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(96.900.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		118.182.720	132.229.648
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.897.749.480)	(143.725.306.775)

Mẫu số B 03a – DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	200.000.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33		-	35.235.981.999
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(16.485.763.617)	(44.961.288.449)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(16.485.763.617)	190.274.693.550
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		24.227.610.067	4.044.794.054
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		5.129.649.347	6.097.921.779
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		57.546	111.534
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VII	29.357.316.960	10.142.827.367

Người lập biểu



Võ Thị Thu Vân

Kế toán trưởng



Trần Thanh Đăng

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2025

Tổng Giám đốc



Trần Kim Sa

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu Tư Công Nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương được chuyển đổi từ Công ty TNHH Đầu Tư Công Nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 19 ngày 14 tháng 06 năm 2016. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310103090 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25 tháng 06 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 34 ngày 07 tháng 11 năm 2025.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 798.398.860.000 VND.

Vốn góp của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025: 798.398.860.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại ngày 30/06/2025: 162B Điện Biên Phủ, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Trụ sở chính của Công ty tại ngày lập báo cáo này: 110 Cao Thắng, Phường Bàn Cờ, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty hiện được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã “DDG”.

Số lượng cán bộ, công nhân viên của Công ty và Công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 42 người (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 56 người).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh chính

Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống; Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và Công ty con là trong vòng 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Không có đặc điểm hoạt động nào gây ảnh hưởng trọng yếu cần thiết phải công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ kế toán trước so sánh được với số liệu của kỳ kế toán này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU ĐÔNG DƯƠNG

110 Cao Thắng, Phường Bàn Cờ, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2025

7. Mô hình hoạt động

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty Cổ phần Đầu Tư Công Nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương có 01 (một) Công ty con, 02 (hai) Công ty liên kết trực tiếp và 05 (năm) Chi nhánh trực thuộc, 02 (hai) Văn phòng đại diện. Chi tiết như sau:

- Tổng số các Công ty con:
- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 01 Công ty.
 - Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0 Công ty.
 - Số lượng các Công ty liên kết hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu: 02 Công ty.

a. Danh sách các Công ty con

Tên đơn vị	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết		Tỷ lệ lợi ích	
			Ngày 30/06/2025	Ngày 01/01/2025	Ngày 30/06/2025	Ngày 01/01/2025
Công ty Cổ phần CL	Lô 2.9A6, đường số 06, Khu công nghiệp Trà Nóc II, Phường Phước Thới, TP. Cần Thơ.	Tái chế phế liệu	51,27%	51,27%	51,27%	51,27%

b. Danh sách các Công ty liên kết trực tiếp

Tên đơn vị	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết		Tỷ lệ lợi ích	
			Ngày 30/06/2025	Ngày 01/01/2025	Ngày 30/06/2025	Ngày 01/01/2025
Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ Tầng và Phát Triển Năng Lượng Mới (Tên cũ: Công ty TNHH TM DV Kỹ thuật Kim Minh Phú)	Số 19, Đường số 32, Rio Vista, Phường Phước Long, TP. Hồ Chí Minh.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	41,00%	41,00%	41,00%	41,00%
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Minh Phương	Tầng 12B, Tòa nhà Cienco 4, 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	45,00%	45,00%	45,00%	45,00%



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU ĐÔNG DƯƠNG
110 Cao Thắng, Phường Bàn Cờ, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2025

7. Mô hình hoạt động (Tiếp theo)

c. Danh sách Chi nhánh

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu Tư Công Nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương tại Bình Dương	Lô E, Đường số 8, Khu Công Nghiệp Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu Tư Công Nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Khu Công Nghiệp Mỹ Tho, Phường Trung An, Tỉnh Đồng Tháp.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu Tư Công Nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Lô 2.9A6, Đường số 6 - Khu Công Nghiệp Trà Nóc 2, Phường Phước Thới, TP. Cần Thơ.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu Tư Công Nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Khu Công Nghiệp Mỹ Xuân A, Phường Phú Mỹ, TP. Hồ Chí Minh.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu Tư Công Nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Áp Hòa Thuận II, Xã Hiệp Hòa, Tỉnh Tây Ninh.

d. Danh sách Văn phòng đại diện

Tên đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Đầu Tư Công Nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Số 110 Cao Thắng, Phường Bàn Cờ, TP. Hồ Chí Minh.
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Đầu Tư Công Nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	308 Cộng Hòa, Phường Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.



II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán sáu tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06.

2. Đơn vị tiền tệ

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016, và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày báo cáo, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá bình quân gia quyền di động.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài Công ty nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Ảnh hưởng đáng kể khi nhà đầu tư sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu khoản đầu tư ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong thời gian 10 năm.

Các khoản lỗ của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

b. Phương tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí hoàn thiện, chi phí bán hàng tăng lên thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định ("TSCĐ")

a. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

	<u>Số năm khấu hao ước tính</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
- Máy móc thiết bị	03 - 15
- Thiết bị văn phòng	03 - 06

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá, khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

b. Nguyên tắc kế toán Tài sản cố định thuê tài chính

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được coi là thuê hoạt động.

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả về thuê tài chính trên bảng cân đối kế toán theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc theo thời hạn thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao ước tính</u>
- Máy móc thiết bị	10

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

7. Nguyên tắc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận tài sản trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước;
- Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ kế toán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa chi phí đi vay

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay và nợ thuê tài chính từ các ngân hàng, công ty tài chính và các đối tượng khác.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

11. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu thường

Trái phiếu thường được ghi nhận và theo dõi như khoản vay của doanh nghiệp kể từ khi thực thu được tiền từ đợt phát hành đến khi hoàn tất việc thanh toán cho trái chủ.

Khi lập Báo cáo tài chính, trên Bảng cân đối kế toán trong phần nợ phải trả thì chỉ tiêu trái phiếu phát hành được phản ánh trên cơ sở thuần (xác định bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu).

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu được ghi giảm mệnh giá của trái phiếu. Định kỳ, kế toán phân bổ chi phí phát hành trái phiếu bằng cách ghi tăng giá trị mệnh giá trái phiếu và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

a. Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Thu nhập lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

14. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư,... được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ kế toán chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí lãi vay, lãi trái phiếu, chi phí đi vay và phát hành trái phiếu, chi phí phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư, dự phòng đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và chi phí tài chính khác.

17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác,...

18. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

20. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

21. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

22. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

a. Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh với Công ty con

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư của công ty mẹ vào công ty con và phần sở hữu của công ty mẹ trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con tại ngày mua phải được loại trừ hoàn toàn, theo nguyên tắc:

- Công ty mẹ phải ghi nhận tài sản, nợ phải trả của công ty con theo giá trị hợp lý tại ngày mua;
- Công ty mẹ phải ghi nhận riêng rẽ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại ngày mua;
- Công ty mẹ ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả đối với các tài sản, nợ phải trả của công ty con có giá trị hợp lý cao hơn giá trị ghi sổ; Ghi nhận tài sản thuế hoãn lại đối với các tài sản, nợ phải trả của công ty con có giá trị hợp lý nhỏ hơn giá trị ghi sổ.

Khoản lợi thế thương mại hoặc khoản lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ trong quá trình mua công ty con (nếu có) được ghi nhận đồng thời khi loại trừ khoản đầu tư của công ty mẹ vào công ty con.

b. Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của các Công ty con được xác định và trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định và trình bày riêng biệt trong mục "Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát". Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con. Thu nhập của cổ đông không kiểm soát trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được phản ánh trong mục "Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát - Mã số 62".

Ngoài những điều trên, lợi ích cổ đông không kiểm soát còn bị ảnh hưởng bởi các giao dịch nội bộ khác.

c. Phương pháp kế toán ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Công ty Con

Nếu sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu công ty mẹ tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm phải được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là các giao dịch vốn chủ sở hữu (không ghi nhận như lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ). Trong trường hợp này, công ty mẹ không thực hiện việc ghi nhận tài sản thuần của công ty con theo giá trị hợp lý như tại thời điểm kiểm soát công ty con.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, trước khi thực hiện việc loại trừ khoản đầu tư của công ty mẹ và công ty con, kế toán phải thực hiện một số điều chỉnh đối với giá phí khoản đầu tư của công ty mẹ trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

d. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ

- Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất, doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

- Các khoản vay trong nội bộ

Nếu các đơn vị trong một tập đoàn có quan hệ vay mượn lẫn nhau thì số dư tiền vay trong nội bộ tập đoàn đang phản ánh trong các khoản mục “Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn”, “Vay và nợ thuê tài chính dài hạn”, khoản mục “Phải thu về cho vay ngắn hạn”, “Phải thu về cho vay dài hạn khác” phải được loại trừ toàn bộ. Theo đó, các khoản thu nhập từ cho vay và chi phí đi vay cũng phải loại trừ toàn bộ trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

- Điều chỉnh các khoản mục nội bộ khác

Số dư các khoản mục phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong nội bộ tập đoàn, như phải thu, phải trả, doanh thu chưa thực hiện, chi phí trả trước... phải được loại trừ hoàn toàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản doanh thu, thu nhập, giá vốn, chi phí phát sinh từ các giao dịch khác trong nội bộ tập đoàn, như các khoản doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, doanh thu cho thuê, cung cấp dịch vụ... trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ hoàn toàn.

e. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên doanh và liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ phân bổ lũy kế. Giá gốc lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại trong việc mua lại công ty con được ghi giảm đến giá trị có thể thu hồi khi Ban điều hành xác định rằng khoản này không thể thu hồi đầy đủ.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 30/06/2025	Ngày 01/01/2025
- Tiền mặt	28.743.461.051	4.489.279.252
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	613.855.909	640.370.095
+ Tiền gửi VND	611.721.784	638.124.163
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (*)	542.168.728	542.175.803
Các ngân hàng khác	69.553.056	95.948.360
+ Tiền gửi ngoại tệ	2.134.125	2.245.932
Cộng	29.357.316.960	5.129.649.347

Ghi chú:

(*) Toàn bộ số dư tiền gửi trên tài khoản thanh toán số 1020883498, có số dư tại ngày 30/06/2025 là 200.228.476 VND hiện đang cầm cố tại Ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty (Thuyết minh V.18).

2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Ngày 30/06/2025	Ngày 01/01/2025
a. Ngắn hạn	360.844.882.473	412.728.180.648
- Công ty TNHH Dịch vụ Tân Việt	81.145.924.209	99.922.924.209
- Công ty TNHH Thương mại Xuất Nhập Khẩu Sức Sống Việt	72.976.791.096	65.393.122.380
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Năng Lượng Đại Dương	49.378.284.219	55.178.448.412
- Công ty Cổ phần Sản Xuất và Phát Triển Công Nghệ Sao Việt	48.082.050.228	40.072.849.828
- Công ty TNHH Đầu Tư Kỹ Thuật Thương Mại Vượng Phát	25.446.712.488	32.218.311.457
- Công ty TNHH Nhà máy bia Heineken Việt Nam	3.060.202.500	22.430.360.820
- Các khách hàng khác	80.754.917.733	97.512.163.542

b. Dài hạn

c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

(Chi tiết khoản mục này được trình bày tại Thuyết minh VIII.3.c).

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Ngày 30/06/2025	Ngày 01/01/2025
a. Ngắn hạn	154.005.746.865	159.376.763.797
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xanh Vina	28.139.793.331	52.530.746.668
- Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Cơ khí Đại Nam	58.771.291.562	48.704.300.072
- Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Minh Phương	40.929.190.000	31.629.190.000
- Công ty TNHH Thương mại Sản xuất và Xây dựng Hồng Phát	15.460.497.680	15.910.273.930
- Các nhà cung cấp khác	10.704.974.292	10.602.253.127
b. Dài hạn	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU ĐÔNG DƯƠNG

110 Cao Thắng, Phường Bàn Cờ, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2025

4. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Ngày 30/06/2025		Ngày 01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	96.900.000.000	96.613.716.970	96.900.000.000	96.774.107.856
- Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ Tầng và Phát Triển Năng Lượng Mới (Tên cũ: Công ty TNHH TM DV Kỹ thuật Kim Minh Phú)	67.650.000.000	67.530.077.591	67.650.000.000	67.805.759.238 (*)
- Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Minh Phương	29.250.000.000	29.083.639.379	29.250.000.000	28.968.348.618 (*)

Chú thích:

(*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và ngày 01 tháng 01 năm 2025, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính vì khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường.



5. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	<i>Ngày 30/06/2025</i>	<i>Ngày 01/01/2025</i>
a. Ngắn hạn	14.000.000.000	14.000.000.000
- Bà Phan Ngọc Thùy Trang (*)	14.000.000.000	14.000.000.000
b. Dài hạn	-	-
Cộng	14.000.000.000	14.000.000.000

Ghi chú:

(*) Khoản cho vay của Công ty con- Công ty Cổ phần CL và Bà Phan Ngọc Thùy Trang theo Hợp đồng số 100424/CL-TT tại ngày 10/04/2024; thời hạn vay là 18 tháng với lãi suất 5%/năm. Khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo.

6. PHẢI THU KHÁC

	<i>Ngày 30/06/2025</i>		<i>Ngày 01/01/2025</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
a. Ngắn hạn	131.535.783.113	-	148.020.838.720	-
- Tạm ứng	-	-	16.062.000.001	-
+ Trần Kim Sa	-	-	16.062.000.001	-
- Ký cược, ký quỹ	81.164.171.564	-	81.221.671.564	-
+ Trần Kim Sa (1)	38.476.642.564	-	36.516.642.564	-
+ Trần Cửu Long (1)	14.384.480.000	-	14.384.480.000	-
+ Yang Tuấn An (1)	4.704.800.000	-	4.704.800.000	-
+ Trần Kim Cương	-	-	1.960.000.000	-
+ Công ty TNHH Nông Ngư (2)	23.515.200.000	-	23.515.200.000	-
Cơ Depot				
+ Các khoản khác	83.049.000	-	140.549.000	-
- Phải thu khác	50.371.611.549	-	50.737.167.155	-
+ Dự thu lãi tiền cho vay	234.444.394	-	-	-
+ Nguyễn Thị Kim Anh (3)	4.204.000.000	-	4.204.000.000	-
+ Nguyễn Văn Hợp (4)	45.815.000.014	-	45.815.000.014	-
+ Khác	118.167.141	-	718.167.141	-
b. Dài hạn	46.530.000	-	46.530.000	-
- Ký cược, ký quỹ	46.530.000	-	46.530.000	-
Cộng	131.582.313.113	-	148.067.368.720	-

Ghi chú:

(1) Khoản ký quỹ cho các cá nhân (thuộc bên có liên quan) mà Công ty mượn tài sản là bất động sản để dùng làm tài sản đảm bảo khoản vay ngân hàng theo Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị số 0201/2023/NQ-DDG ngày 05/01/2023 (Thuyết minh V.18).

(2) Khoản ký quỹ cho Công ty TNHH Nông Ngư Cơ Depot để thực hiện các hợp đồng thi công xây dựng lắp đặt của Công ty.

6. PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

(3) Khoản còn phải thu về thoái vốn Công ty TNHH Blue Globe theo Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 25/12/2023 và Phụ lục hợp đồng kèm theo giữa Công ty và Bà Nguyễn Thị Kim Anh.

Đến ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đã thu hồi toàn bộ khoản phải thu này.

(4) Khoản còn phải thu về thoái vốn Công ty Cổ phần CL theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/CNCP ngày 29/06/2024, Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 02/CNCP ngày 26/09/2024 và Phụ lục hợp đồng kèm theo. Tuy nhiên đến ngày lập báo cáo này, khoản phải thu này vẫn chưa được thu hồi toàn bộ. Ban điều hành Công ty và ông Nguyễn Văn Hợp đã ký kết thỏa thuận thế chấp tài sản bảo lãnh nợ vào ngày 05/05/2025, sử dụng 2.590.000 cổ phần của Công ty Cổ phần CL (thuộc sở hữu của Ông Nguyễn Văn Hợp) để đảm bảo cho khoản phải thu này và cam kết thanh toán trong niên độ sau.

7. NỢ XẤU

	Ngày 30/06/2025		Ngày 01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	402.204.228.228	(149.322.554.095)	144.299.899.615	(53.184.056.036)
<i>Trong đó:</i>				
- Phải thu khách hàng	356.389.228.214	(149.322.554.095)	144.299.899.615	(53.184.056.036)
+ Công ty TNHH Dịch Vụ Tân Việt	76.548.503.154	(38.503.843.199)	64.129.248.171	(21.413.485.491)
+ Công ty TNHH Đầu Tư Phát Triển Năng Lượng Đại Dương	49.378.284.219	(22.013.359.588)	24.796.499.999	(7.015.590.000)
+ Công ty TNHH R2Sonic LLC	10.756.435.007	(7.529.504.505)	10.756.435.007	(5.378.217.504)
+ Công ty TNHH XD-TM-DV Vĩnh Thanh	-	-	3.848.988.000	(2.694.291.600)
+ Công ty Cổ phần ĐT Cơ Khí Nhiệt Á Long	-	-	2.727.029.314	(1.908.920.519)
+ Công ty TNHH Nam Sơn	-	-	4.020.016.463	(2.139.509.592)
+ Công ty TNHH TM XNK Nhiệt Năng	8.061.061.435	(6.045.796.077)	8.061.061.435	(4.030.530.718)
+ Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Sức Sống Việt	65.795.067.165	(19.617.936.714)	-	-
+ Công ty Cổ phần Sản xuất và Phát triển Công nghệ Sao Việt	47.860.343.828	(12.021.854.948)	-	-
+ Các đối tượng khác	97.989.533.406	(43.590.259.064)	25.960.621.226	(8.603.510.612)
- Phải thu khác	45.815.000.014	-	-	-
+ Nguyễn Văn Hợp	45.815.000.014	-	-	-
Cộng	402.204.228.228	(149.322.554.095)	144.299.899.615	(53.184.056.036)

8. HÀNG TỒN KHO

	Ngày 30/06/2025		Ngày 01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.878.700.625	-	1.875.013.562	-
Thành phẩm	1.304.343.536	-	6.924.277.328	-
Hàng hóa	7.070.137.455	-	10.751.207.509	-
Cộng	11.253.181.616	-	19.550.498.399	-

9. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Ngày 30/06/2025	Ngày 01/01/2025
<i>a. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn</i>	-	-
<i>b. Xây dựng cơ bản dở dang</i>	<i>119.029.418.012</i>	<i>91.657.388.812</i>
- Xây dựng cơ bản nhà máy xử lý rác thải Long An	91.657.388.812	91.657.388.812
- Xây dựng cơ bản Lò Heineken	24.356.097.000	
- Chi phí khác	3.015.932.200	
Cộng	119.029.418.012	91.657.388.812

10. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Ngày 30/06/2025	Ngày 01/01/2025
Lợi thế thương mại đầu tư Công ty Cổ phần CL	8.511.369.915	8.511.369.915
Cộng	8.511.369.915	8.511.369.915
Đã phân bổ vào chi phí các năm trước	4.858.778.307	1.737.738.025
Đã phân bổ vào chi phí trong kỳ	425.568.496	3.121.040.282
Lợi thế thương mại còn phân bổ cuối kỳ	3.227.023.112	3.652.591.608

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
1. Số dư đầu năm	112.872.973.126	1.013.309.303.734	599.154.852	1.126.781.431.712
2. Số tăng trong kỳ	-	260.490.000	-	260.490.000
- Mua trong kỳ	-	260.490.000	-	260.490.000
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	112.872.973.126	1.013.569.793.734	599.154.852	1.127.041.921.712
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
1. Số dư đầu năm (số điều chỉnh lại)	28.328.943.811	334.899.830.291	599.154.852	363.827.928.954
2. Tăng trong kỳ	3.262.733.198	33.815.075.493	-	37.077.808.691
- Khấu hao tăng trong kỳ	3.262.733.198	33.815.075.493	-	37.077.808.691
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	31.591.677.009	368.714.905.784	599.154.852	400.905.737.645
III. Giá trị còn lại				
1. Số dư đầu năm	84.544.029.315	678.409.473.443	-	762.953.502.758
2. Số dư cuối kỳ	81.281.296.117	644.854.887.950	-	726.136.184.067

Ghi chú:
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 471.111.367.959 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 550.110.684.710 VND) đã được thế chấp tại Ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty và Công ty con (Thuyết minh V.18).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng của Công ty và Công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 66.948.561.686 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 31.419.415.526 VND).

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Máy móc thiết bị	Cộng
I. Nguyên giá		
1. Số dư đầu năm	16.162.679.425	16.162.679.425
2. Số tăng trong kỳ	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-
4. Số dư cuối kỳ	16.162.679.425	16.162.679.425
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
1. Số dư đầu năm	6.543.278.273	6.543.278.273
2. Số tăng trong kỳ	808.133.970	808.133.970
- Khấu hao trong kỳ	808.133.970	808.133.970
3. Số giảm trong kỳ	-	-
4. Số dư cuối kỳ	7.351.412.243	7.351.412.243
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu năm	11.235.669.092	9.619.401.152
2. Tại ngày cuối kỳ	8.811.267.182	8.811.267.182

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Ngày 30/06/2025	Ngày 01/01/2025
a. Ngắn hạn	10.775.645	53.186.245
- Chi phí khác	10.775.645	53.186.245
b. Dài hạn	6.142.090.528	6.451.126.734
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	74.058.348	105.152.969
- Chi phí thuê đất	5.628.513.220	5.738.890.030
- Chi phí cải tạo văn phòng	262.250.434	350.139.766
- Chi phí khác	177.268.526	256.943.969
Cộng	6.152.866.173	6.504.312.979

14. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	Ngày 30/06/2025		Ngày 01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	41.796.124.411		34.374.421.642	
- Công ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Xuất Nhập Khẩu Quang Lộc	8.948.200.000	(*)	8.948.200.000	(*)
- Công ty TNHH XD & Chế Tạo Cơ Khí Phúc Đạt	5.689.234.095	(*)	6.094.234.095	(*)
- Công ty TNHH Nhà máy bia Heineken Việt Nam	4.073.954.948	(*)	2.648.329.270	(*)
- Công ty TNHH TM-SX và Xây dựng Hồng Phát	4.909.342.739	(*)	1.191.646.704	(*)
- Công ty TNHH Môi Trường Kim Thành	1.541.633.022	(*)	934.492.822	(*)
- Các nhà cung cấp khác	16.633.759.607	(*)	14.557.518.751	(*)
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	41.796.124.411	-	34.374.421.642	-

c. Phải trả người bán là các bên liên quan

(Chi tiết khoản mục này được trình bày tại Thuyết minh VIII.3.c).

Ghi chú:

(*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và ngày 01 tháng 01 năm 2025, Công ty có tình trạng nợ quá hạn chưa thanh toán do chưa thu xếp được tài chính. Do đó, số có khả năng trả nợ không thể xác định chính xác.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Ngày 01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Ngày 30/06/2025
a. Phải nộp	6.487.820.602	30.419.325	1.383.610.807	5.134.629.120
- Thuế giá trị gia tăng	686.322.696	-	-	686.322.696
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.400.085.591	-	737.860.258	662.225.333
- Thuế thu nhập cá nhân	461.313.058	30.419.325	31.565.694	460.166.689
- Thuế khác	3.940.099.257	-	614.184.855	3.325.914.402
b. Phải thu	-	-	-	-

Ghi chú:

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 30/06/2025	Ngày 01/01/2025
a. Ngắn hạn	195.090.650.609	152.393.859.992
- Chi phí lãi vay, lãi chậm trả	115.815.900.376	82.896.638.822
- Trích trước chi phí lãi trái phiếu	79.274.750.233	69.497.221.170
b. Dài hạn	-	-
Cộng	195.090.650.609	152.393.859.992

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngày 30/06/2025	Ngày 01/01/2025
a. Ngắn hạn	6.584.112.927	32.189.178.666
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	26.114.800.328
- Phải trả BHXH, BHYT, BHTN	4.196.651.477	3.834.133.739
- Phải trả khác	2.387.461.450	2.240.244.599
+ Lãi chậm trả BHXH	2.387.461.450	2.240.244.599
b. Dài hạn	500.000.000	500.000.000
- Nhận ký cược, ký quỹ	500.000.000	500.000.000

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Ngày 30/06/2025		Trong kỳ			Ngày 01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Số phân loại lại	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá	Giá trị
a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	663.751.986.489		-	16.485.763.617	2.453.834.214	504.451.500	677.279.464.392
a.1 Vay ngắn hạn	241.198.276.598		-	16.485.763.617	-	504.451.500	257.179.588.715
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	(1) 35.162.000.000 (*)		-	1.005.000.000	-	-	36.167.000.000 (*)
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	(2) 3.795.199.672 (*)		-	-	-	-	3.795.199.672 (*)
- Ngân Hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	(3) 33.398.216.323 (*)		-	994	-	-	33.398.217.317 (*)
- Ngân hàng Citibank Việt Nam	(4) - (*)		-	15.480.762.623	-	-	15.480.762.623 (*)
- Ngân hàng TMCP Quân đội	(5) 27.028.000.002 (*)		-	-	-	-	27.028.000.002 (*)
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	(6) 25.207.457.577 (*)		-	-	-	-	25.207.457.577 (*)
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	(7) 47.030.000.000 (*)		-	-	-	-	47.030.000.000 (*)
- Công ty Tài Chính Mirae Asset	(8) 22.005.775.175 (*)		-	-	-	-	22.005.775.175 (*)
- Velotrade Management Limited	(9) 17.713.050.000 (*)		-	-	-	504.451.500	17.208.598.500 (*)
- Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank	(10) 29.858.577.849 (*)		-	-	-	-	29.858.577.849 (*)
a.2 Vay dài hạn đến hạn trả	121.073.599.375		-	-	2.453.834.214	-	118.619.765.161
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	(2) 112.978.570.000 (*)		-	-	-	-	112.978.570.000 (*)
- Ngân hàng TMCP Quân đội	(11) 8.095.029.375 (*)		-	-	2.453.834.214	-	5.641.195.161 (*)

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ngày 30/06/2025			Trong kỳ			Ngày 01/01/2025		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Số phân loại lại	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a.3 Nợ thuế tài chính đến hạn trả	1.480.110.516		-	-	-	-	1.480.110.516	
- Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease	(12) 1.480.110.516	(*)	-	-	-	-	1.480.110.516	(*)
a.4 Trái phiếu thường	300.000.000.000		-	-	-	-	300.000.000.000	
- Loại phát hành theo mệnh giá	(13) 300.000.000.000	(*)	-	-	-	-	300.000.000.000	(*)
b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	1.139.369.435		-	-	(2.453.834.214)	-	3.593.203.649	
- Ngân hàng TMCP Quân đội	(11) 1.139.369.435	(*)	-	-	(2.453.834.214)	-	3.593.203.649	(*)
Cộng	664.891.355.924		-	16.485.763.617	-	504.451.500	680.872.668.041	

Ghi chú:

(*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và ngày 01 tháng 01 năm 2025, Công ty có tình trạng vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán do chưa thu xếp được tài chính. Do đó, số có khả năng trả nợ không thể xác định chính xác.



18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

c. Số vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty có khoản nợ vay, nợ thuế tài chính và nợ trái phiếu quá hạn là 663.751.986.489 VND (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 539.344.867.555 VND). Chi tiết như sau:

Số dư gốc nợ quá hạn

- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- Ngân Hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng
- Ngân hàng TMCP Quân đội
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
- Công ty Tài Chính Mirae Asset
- Velotrade Management Limited
- Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank
- Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease
- Trái chủ của Trái phiếu mã DDGH2123001

Ngày 30/06/2025	Ngày 01/01/2025
35.162.000.000	36.167.000.000
116.773.769.672	116.773.769.672
33.398.216.323	33.398.217.317
35.123.029.377	30.215.360.949
25.207.457.577	25.207.457.577
47.030.000.000	47.030.000.000
22.005.775.175	22.005.775.175
17.713.050.000	17.208.598.500
29.858.577.849	29.858.577.849
1.480.110.516	1.480.110.516
300.000.000.000	180.000.000.000
663.751.986.489	539.344.867.555

Cộng

Lý do chưa thanh toán: Tình hình khó khăn chung của nền kinh tế ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, Ngân hàng thực hiện chính sách thắt chặt thẩm định và tín dụng, nên khi ngân hàng ngừng gia hạn/cấp mới hạn mức tín dụng cho doanh nghiệp đang vay, khiến cho nguồn vốn lưu động của Công ty bị thiếu hụt rất lớn và dòng tiền thanh toán thấp. Các nguyên nhân trên đã dẫn đến Công ty gặp khó khăn trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn của Ngân hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU ĐÔNG DƯƠNG

110 Cao Thắng, Phường Bàn Cờ, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2025

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(1) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 1606LAV202200426 ngày 24/08/2022 với hạn mức tín dụng 50 tỷ đồng, thời hạn cấp hạn mức tín dụng là 12 tháng để bổ sung vốn lưu động. Lãi suất được xác định theo từng Giấy nhận nợ cụ thể, khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản sau:

Bên bảo lãnh

Các cá nhân là bên liên quan

Tài sản đảm bảo

- + Quyền sử dụng đất tọa lạc tại Tỉnh Bình Thuận;
- + Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại TP. Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần Đầu Tư Công
Nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông
Dương

- + Hệ thống lò hơi công suất 15.000kg/h lắp đặt tại Công ty TNHH Mai Vĩnh - Xã An Long, TP. Hồ Chí Minh;
- + Hệ thống lò hơi công suất 2 tấn hơi/giờ lắp đặt tại Nhà máy bao bì savimex - TP. Hồ Chí Minh;
- + Lò dầu tải nhiệt công suất 2.500.000 Kcal/h lắp đặt tại Nhà máy cao su Nhật Nam - xã Bàu Bàng, TP. Hồ Chí Minh;
- + Lò dầu tải nhiệt công suất 3.000.000 Kcal/h lắp đặt tại Nhà máy cao su Cua Paris của Cty CP Cao su Phước Hòa - xã Phước Hòa, TP. Hồ Chí Minh;
- + Hệ thống lò hơi công suất 18 tấn/h lắp đặt tại Công ty CP Giấy Đồng Tiến Long An - KCN Thái Hòa, tỉnh Tây Ninh.

(2) Khoản vay theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/4763321/HĐTD ngày 16/11/2022 với hạn mức 40 tỷ đồng, thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 31/10/2023. Lãi suất được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản sau:

Bên bảo lãnh

Các cá nhân là bên liên quan

Tài sản đảm bảo

- + 02 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại TP. Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần Đầu Tư Công
Nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông
Dương

- + Hệ thống Lò hơi công suất 25 tấn/giờ và Hệ thống sấy bã hèm công suất 8 tấn/giờ lắp đặt tại Nhà máy Heineken Tiền Giang;
- + Hệ thống lò hơi công suất 15 tấn/giờ, Hệ thống cấp nhiệt và Hệ thống máy móc thiết bị nâng công suất lò hơi 20 tấn/giờ lắp đặt tại Nhà máy cao su Linh Hương.



18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

- (2) - Hợp đồng tín dụng số 06/2018/4763321/HĐTD ngày 10/08/2018; số tiền vay 84,617 tỷ đồng; thời hạn vay 120 tháng; mục đích vay đầu tư xây dựng nhà máy nhiệt điện tận dụng nhiệt thừa của lò đốt rác thải công nghiệp tại Bình Dương; lãi suất theo quy định của BIDV trong từng thời kỳ;
- Hợp đồng tín dụng số 01/2019/4763321/HĐTD ngày 05/03/2019; Số tiền vay 130 tỷ đồng; thời hạn vay 108 tháng; mục đích vay: đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất hơi và sấy hèm (Nhà máy bia Heineken Vũng Tàu); lãi suất theo quy định của BIDV trong từng thời kỳ.

Các khoản vay trên được đảm bảo bằng các tài sản sau:

Bên bảo lãnh

Công ty Cổ phần Đầu Tư Công
Nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đồng
Dương

Tài sản đảm bảo

- + Hệ thống lò hơi công suất 40 tấn/giờ; Hệ thống turbin và máy phát điện 4.600KWH, hệ thống giải nhiệt cho hệ thống máy phát điện 4.600KWH lắp đặt tại Nhà máy rác thải Bình Dương;
- + Toàn bộ máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất và tài sản hình thành trên đất dự án đầu tư sản xuất hơi và sấy hèm tại nhà máy bia Heineken Vũng Tàu;
- + Hệ thống lò hơi tầng sôi công suất 75 tấn/giờ, Hệ thống đường dây trung thế và trạm biến áp 3 pha, Hệ thống sấy hèm bia công suất 8 tấn nguyên liệu đầu vào/giờ lắp đặt tại Nhà máy bia Heineken Vũng Tàu.

(3) Khoản vay theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng cho vay hạn mức số EGD/21166 ngày 15/11/2021; hạn mức 50 tỷ đồng; thời hạn duy trì hạn mức 12 tháng; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Lãi suất theo từng kỳ kế ước nhận nợ cụ thể;
- Hợp đồng cho vay hạn mức số EGD/22327 ngày 30/12/2022; hạn mức 50 tỷ đồng; thời hạn duy trì hạn mức 12 tháng; mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh: (i) Thương mại mìn cưa, dăm gỗ, than đá, tro trấu, bã mía; (ii) Sản xuất - thương mại hơi nhiệt, linh kiện, thiết bị lò hơi. Lãi suất theo từng kỳ kế ước nhận nợ cụ thể;
- Hợp đồng cho vay hạn mức số EGD/22034 ngày 18/04/2022; hạn mức 03 tỷ đồng; thời hạn duy trì hạn mức 12 tháng; mục đích vay: bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh mìn cưa, tro trấu, bã mía, dăm gỗ. Lãi suất theo từng kỳ kế ước nhận nợ cụ thể;
- Hợp đồng cho vay hạn mức số EGD/23030 ngày 17/08/2023; hạn mức cho vay 51.800.000.000 đồng; thời hạn duy trì hạn mức 12 tháng; mục đích vay: bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh mìn cưa, tro trấu, bã mía, dăm gỗ. Lãi suất theo từng kỳ kế ước nhận nợ cụ thể.

Các khoản vay trên được đảm bảo bằng các tài sản sau:

Bên bảo lãnh

Các cá nhân là bên liên quan

Tài sản đảm bảo

- + Cam kết bảo lãnh;
- + Quyền sử dụng đất tọa lạc tại Tỉnh Bình Thuận;
- + 02 quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tọa lạc tại TP. Hồ Chí Minh.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU ĐÔNG DƯƠNG

110 Cao Thắng, Phường Bàn Cờ, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2025

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(4) Khoản vay chiết khấu theo Thỏa thuận ngày 17/12/2019 giữa ba bên gồm Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập Khẩu Đông Dương - Ngân hàng CitiBank Việt Nam - Công ty TNHH Nhà máy Bia Heineken Việt Nam, số dư khoản vay là số dư Ngân hàng CitiBank đang chiết khấu thanh toán cho công nợ của Công ty TNHH Nhà máy Bia Heineken Việt Nam tại Công ty.

(5) Khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 34411.22.157.927900.TD ngày 18/07/2022 với hạn mức cho vay 50 tỷ đồng, thời hạn cấp hạn mức tín dụng đến ngày 24/06/2023. Lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh lĩnh vực bán hơi nhiệt; thương mại than đá và mùn cưa. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản sau:

Bên bảo lãnh

Các cá nhân là bên liên quan

Tài sản đảm bảo

+ 03 quyền sử dụng đất tọa lạc tại Tỉnh Lâm Đồng.

(6) Khoản vay theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0188/KHDN/22/HMCV ngày 28/06/2022 với hạn mức cho vay là 45 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng để bổ sung vốn ngắn hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ, khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản sau:

Bên bảo lãnh

Các cá nhân là bên liên quan

Tài sản đảm bảo

+ 04 quyền sử dụng đất tọa lạc tại TP. Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần Đầu Tư Công Nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương

+ Hệ thống lò hơi tầng sôi công suất 15 tấn/h được lắp đặt tại phường Phước Thới, TP.Cần thơ.

+ Toàn bộ số dư tiền gửi trên tài khoản thanh toán số 1020883498, có số dư tại ngày 30/06/2025 là 200.228.470 VND.

- Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0439/KHDN/22/HMCV ngày 28/10/2022 tại Công ty con - Công ty Cổ phần CL với hạn mức cho vay là 35 tỷ đồng, thời hạn hạn mức là 12 tháng để bổ sung vốn ngắn hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất được quy định theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay này không còn tài sản đảm bảo.

(7) Khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2022-HĐCVHM/NHCT908-DONGDUONG ngày 05/08/2022 với hạn mức 65 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất ~~kinh doanh~~ phân phối nhiên liệu đốt, hơi nhiệt, thương mại MMTB, sắt thép, bã hèm. Lãi suất được quy định theo từng giấy nhận nợ, khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản sau:

Bên bảo lãnh

Các cá nhân là bên liên quan

Tài sản đảm bảo

+ 02 quyền sử dụng đất tọa lạc tại TP. Hồ Chí Minh;

+ 09 quyền sử dụng đất tọa lạc tại tỉnh Đồng Nai;

+ 2.600.000 cổ phiếu mã chứng khoán "DDG".



18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(8) Khoản vay theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 0025-IB/HĐTD-MAFC ngày 04/04/2023 với số tiền vay là 15 tỷ đồng để hoàn thanh toán các chi phí vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Lãi suất là 15%/năm;
- Hợp đồng tín dụng số 0023-IB/HĐTD-MAFC ngày 18/12/2022 với số tiền vay là 90 tỷ đồng để hoàn thanh toán các chi phí vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Lãi suất là 15%/năm.

Các khoản vay trên được đảm bảo bằng các tài sản sau:

Bên bảo lãnh

Tài sản đảm bảo

Các cá nhân là bên liên quan

+ 750.100 cổ phiếu mã chứng khoán "DDG".

(9) Khoản vay theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng vay số DDG01.2022 ngày 24/11/2022 với số tiền vay là 471.549 USD, thời gian vay là 57 ngày. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động. Lãi suất là 13,5%/năm;
- Hợp đồng vay số DDG03.2022 ngày 24/11/2022 với số tiền vay là 160.000 USD, thời gian vay là 60 ngày. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động. Lãi suất là 13,75%/năm;
- Hợp đồng vay số DDG01.2023 ngày 24/11/2022 với số tiền vay là 68.451 USD, thời gian vay là 58 ngày. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động. Lãi suất là 15%/năm.

Các khoản vay trên được đảm bảo bằng các tài sản sau:

Bên bảo lãnh

Tài sản đảm bảo

Công ty Cổ phần Đầu Tư Công Nghiệp Xuất Nhập Khẩu
Đồng Dương

+ Khoản phải thu phát sinh từ các đơn đặt hàng/hợp đồng cung cấp hàng hóa/dịch vụ cho các khách hàng đầu ra của Công ty, tối thiểu 1.000.000 USD;

Các cá nhân là bên liên quan

+ Bảo lãnh cá nhân.

(10) Khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 075/2023/FA.01 ngày 01/02/2023 với tổng hạn mức cấp tín dụng là 50 tỷ đồng, thời hạn hạn mức là 12 tháng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Lãi suất theo từng giấy thông báo góp vốn cụ thể, khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản sau:

Bên bảo lãnh

Tài sản đảm bảo

Công ty Cổ phần Đầu Tư Công Nghiệp Xuất Nhập Khẩu
Đồng Dương

+ Khoản phải thu phát sinh từ các đối tác có giá trị ghi sổ là 50.000.000.000 VND.

Các cá nhân là bên liên quan

+ Bảo lãnh cá nhân;

+ 500.000 cổ phiếu mã chứng khoán "DDG".



18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(11) Khoản vay theo Hợp đồng cho vay số 9838.21.157.927900.TD ngày 15/03/2021; số tiền vay tối đa 21.455.596.800 đồng; thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; mục đích vay thanh toán chi phí đầu tư cho Hệ thống lò hơi sấy mù cao su, công suất 15 tấn/giờ. Lãi suất theo từng giấy nhận nợ, khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản sau:

Bên bảo lãnh

Công ty Cổ phần Đầu Tư Công Nghiệp Xuất Nhập Khẩu
Đồng Dương

Tài sản đảm bảo

+ Hệ thống lò hơi sấy mù cao su, công suất 15 tấn/ giờ;
+ Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng 0306/HĐKT/ĐD-LH ngày 03/06/2019 và các phụ lục kèm theo với Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Linh Hương.

(12) Khoản thuê tài chính theo Hợp đồng thuê tài chính số C200822602 ngày 30/11/2020 với Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease, thời hạn thuê 36 tháng. Khoản thuê này được đảm bảo bằng các tài sản sau:

Bên bảo lãnh

Các cá nhân là bên liên quan

Tài sản đảm bảo

+ Bảo lãnh cá nhân.

(13) Xem thuyết minh V.19.

19. TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

Ngày 30/06/2025			Ngày 01/01/2025		
Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn
a. Trái phiếu thường					
- Loại phát hành theo mệnh giá Mã trái phiếu là DDGH2123001					
300.000.000.000	13,5%/năm	2 năm	300.000.000.000	13,5%/năm	2 năm
<u>300.000.000.000</u>			<u>300.000.000.000</u>		
b. Trái phiếu chuyển đổi					
-	-	-	-	-	-

Ghi chú:

Trái phiếu phát hành riêng lẻ do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt tư vấn phát hành, được giao dịch trên hệ thống trái phiếu riêng lẻ của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch DDG12101. Trái phiếu có mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu, số lượng 3.000.000 trái phiếu. Trái phiếu được phát hành dùng để đầu tư vào Dự án đầu tư sản xuất hơi và sấy hèm cho CTCP Nhà máy Bia Heineken Việt Nam - Vũng Tàu giai đoạn 2 và Dự án thu hồi và sản xuất khí CO2 hóa lỏng từ lò hơi.

Đến ngày 08/05/2023, căn cứ Nghị quyết Hội nghị Người sở hữu trái phiếu DDGH2123001 số 0805/2023/NQ-HNNSHTP thông qua phương án gia hạn kỳ trái phiếu thêm 24 tháng (ngày đáo hạn được gia hạn là 10/05/2025) với tỷ lệ thông qua là 78,61% tổng số trái phiếu phát hành (tương ứng 235.810.000 đồng trái phiếu). Lãi suất áp dụng từ 10/05/2023 đến 10/05/2025 là 13,5%/năm; kỳ trả lãi 06 tháng 01 lần.

Tại ngày 06 tháng 06 năm 2025, theo Nghị quyết Hội nghị người sở hữu trái phiếu mã DDGH2123001 số 0606/2025/DDG/NQ.HNTP, các Trái chủ đã chấp thuận và thông qua phương án xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm nhằm thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Theo đó, toàn bộ tài sản bảo đảm sẽ được định giá lại và xử lý theo phương án đã được phê duyệt.

Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được đảm bảo bằng các tài sản chi tiết như sau:

Bên bảo lãnh

Công ty Cổ phần Đầu Tư Công Nghiệp
Xuất Nhập Khẩu Đông Dương

Tài sản đảm bảo

- Hệ thống sấy hèm bia công suất 8 tấn/giờ lắp đặt tại KCN Trà Nóc II, Phường Phước Thới, TP. Cần Thơ;
- Hệ thống lò hơi tầng sôi công suất 35 tấn/giờ lắp đặt tại KCN Trà Nóc II, Phường Phước Thới, TP. Cần Thơ;
- Hệ thống sấy hèm bia công suất 8 tấn/h cho mỗi hệ sấy lắp đặt tại KCN Mỹ Xuân A, Phường Phú Mỹ, TP. Hồ Chí Minh;
- Hệ thống thu hồi và sản xuất khí CO2 hóa lỏng từ lò hơi lắp đặt tại KCN Mỹ Xuân A, Phường Phú Mỹ, TP. Hồ Chí Minh;
- Hệ thống cô đặc nước hèm lắp đặt tại Nhà máy CL - CN Cần Thơ.

Công ty Cổ phần CL

Công ty Cổ phần Công nghệ
Khải An

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu công trình xây dựng trên đất, có địa chỉ tại KCN Trà Nóc II, Phường Phước Thới, TP. Cần Thơ.

- Hệ thống sấy và lò đốt tại nhà máy Biomass Mỹ Xuân, có địa chỉ tại KCN Mỹ Xuân A, Phường Phú Mỹ, TP. Hồ Chí Minh.



20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2024	598.398.860.000	56.000.000.000	(92.924.521.581)	11.609.753.442	573.084.091.861
- Tăng vốn trong kỳ	200.000.000.000	-	-	-	200.000.000.000
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	892.643.508	(52.547.243)	840.096.265
Số dư tại ngày 30/06/2024	798.398.860.000	56.000.000.000	(92.031.878.073)	11.557.206.199	773.924.188.126
Số dư tại ngày 01/01/2025 (số điều chỉnh lại)	798.398.860.000	56.000.000.000	(119.917.938.120)	31.269.603.812	765.750.525.692
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	(167.525.049.274)	(2.007.059.790)	(169.532.109.064)
Số dư tại ngày 30/06/2025	798.398.860.000	56.000.000.000	(287.442.987.394)	29.262.544.022	596.218.416.628

1729-
NG TY
NNH
VỤ TƯ V
NH KẾ T
KIỂM TO
HIA NAM
P. PHO

1010
CÔNG
CỔ PH
TƯ CÔNG
ẤT NHÀ
ÔNG D
PHO H

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Ngày 30/06/2025</u>	<u>Ngày 01/01/2025</u>
- Vốn góp của Nhà nước	-	-
- Tổ chức, cá nhân khác	798.398.860.000	798.398.860.000
Cộng	798.398.860.000	798.398.860.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025</u>	<u>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	798.398.860.000	598.398.860.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	200.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	798.398.860.000	798.398.860.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	<u>Ngày 30/06/2025</u>	<u>Ngày 01/01/2025</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	79.839.886	79.839.886
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	79.839.886	79.839.886
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	79.839.886	79.839.886
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	79.839.886	79.839.886
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	79.839.886	79.839.886

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

21. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	<u>Ngày 30/06/2025</u>	<u>Ngày 01/01/2025</u>
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong phần vốn góp tại Công ty con	36.550.000.000	36.550.000.000
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần tại Công ty con	(7.287.455.978)	(5.280.396.188)
Cộng	29.262.544.022	31.269.603.812

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>Ngày 30/06/2025</u>	<u>Ngày 01/01/2025</u>
<i>a. Ngoại tệ các loại</i>		
- Đô la Mỹ (USD)	81,30	87,90

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<i>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025</i>	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024</i>
a. Tổng doanh thu	62.056.307.583	120.733.591.699
- Doanh thu bán hàng hóa	13.848.994.441	26.194.478.212
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	48.207.313.142	94.539.113.487
b. Các khoản giảm trừ doanh thu	99.767.385	198.720.111
- Chiết khấu thương mại	99.767.385	198.720.111
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	61.956.540.198	120.534.871.588

c. Doanh thu đối với các bên liên quan

(Chi tiết khoản mục này được trình bày tại Thuyết minh VIII.3.b).

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<i>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025</i>	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024</i>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	13.322.267.137	22.786.204.112
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	73.001.972.180	79.525.733.594
Cộng	86.324.239.317	102.311.937.706

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025</i>	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024</i>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	352.627.114	132.229.648
- Lãi thoái vốn công ty con	-	23.539.746.293
Cộng	352.627.114	23.671.975.941

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025</i>	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024</i>
- Chi phí lãi vay	43.091.745.491	49.885.656.538
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	533.530.054	750.045.666
- Chi phí tài chính khác	341.629.734	91.694.329
Cộng	43.966.905.279	50.727.396.533

5. PHÂN LÃI HOẶC LỖ TRONG CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	<i>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025</i>	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024</i>
- Lãi/(lỗ) trong Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ Tầng và Phát Triển Năng Lượng Mới	(275.681.647)	105.552.557
- Lãi/(lỗ) trong Công ty TNHH DV Kỹ thuật Minh Phương	115.290.761	(215.214.838)
Cộng	(160.390.886)	(109.662.281)

6. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025</i>	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024</i>
a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	10.512.284	10.512.284
- Chi phí bằng tiền khác	10.512.284	
b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	101.142.825.587	7.005.309.648
- Chi phí nhân viên quản lý	1.925.356.774	1.939.991.176
- Chi phí đồ dùng văn phòng	109.192.743	149.903.232
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.889.930.961	1.848.177.704
- Thuế, phí và lệ phí	7.833.700	13.000.000
- Phân bổ lợi thế thương mại	425.568.496	425.568.496
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi	96.138.498.057	1.444.704.823
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	607.924.642	1.082.420.695
- Chi phí bằng tiền khác	38.520.214	101.543.522

7. THU NHẬP KHÁC

	<i>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025</i>	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024</i>
- Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	22.028.267.749
- Các khoản khác	747.181.256	-
Cộng	747.181.256	22.028.267.749

8. CHI PHÍ KHÁC

	<i>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025</i>	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024</i>
- Tiền phạt thuế, phạt vi phạm hành chính	-	4.362.380.596
- Các khoản khác	600.065.035	177.130.611
Cộng	600.065.035	4.539.511.207

9. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025</i>	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024</i>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.857.012.310	32.293.844.458
- Chi phí nhân công	4.177.164.222	6.259.754.577
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	37.885.942.661	39.950.673.616
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.451.850.868	8.893.188.957
- Chi phí bằng tiền khác	306.506.193	838.626.216
Cộng	74.678.476.254	88.236.087.824

10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<i>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025</i>	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024</i>
- Công ty Cổ phần Đầu Tư Công Nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	-	(106.841.773)
- Công ty Cổ phần CL	-	1.018.765.759
Cộng	-	911.923.986

11. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

	<i>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025</i>	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024</i>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	446.263.273	64.153.479
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	77.506.000	77.506.000
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(140.250.029)	(352.381.827)
Cộng	383.519.244	(210.722.348)

12. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<i>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025</i>	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024</i>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(167.525.049.274)	892.643.508
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	79.839.886	72.916.809
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.098)	12

13. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	<i>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025</i>	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024</i>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(167.525.049.274)	892.643.508
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	79.839.886	72.916.809
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(2.098)	12

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Các giao dịch phi tiền tệ ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: Không phát sinh.

2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng:

Toàn bộ số dư tiền gửi trên tài khoản thanh toán số 1020883498, có số dư tại ngày 30/06/2025 là 200.228.470 VND hiện đang cầm cố tại Ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty (Thuyết minh V.01).

3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	<i>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025</i>	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024</i>
- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	-	35.235.981.999
Cộng	-	35.235.981.999

4. Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ

	<i>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025</i>	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024</i>
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	16.485.763.617	44.961.288.449
Cộng	16.485.763.617	44.961.288.449

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. **NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG, KHOẢN CAM KẾT VÀ NHỮNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH KHÁC**

Không có.

2. **NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Theo Quyết định số 1304/QĐ-SGDHN ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cổ phiếu của Công ty có mã chứng khoán là “DDG” đã bị đưa vào diện hạn chế giao dịch kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2025 vì chậm nộp báo cáo tài chính bán niên năm 2025 đã được soát xét quá 45 ngày so với thời hạn quy định.

Vào ngày 27 tháng 10 năm 2025, Công ty nhận được Quyết định số 1305/QĐ-SGDHN từ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc duy trì diện bị kiểm soát. Theo đó, cổ phiếu DDG của Công ty bị duy trì diện kiểm soát do Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ năm 2023 và năm 2024 là số âm; Tổ chức kiểm toán có ý kiến ngoại trừ đối với báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 và 2024; Tổ chức niêm yết chậm nộp báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán quá 30 ngày so với thời hạn quy định; Tổ chức niêm yết chậm nộp báo cáo tài chính riêng và hợp nhất bán niên năm 2024 đã được soát xét quá 30 ngày so với thời hạn quy định.

3. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

a. Các bên liên quan

Tên bên liên quan	Mối quan hệ
Nguyễn Thanh Quang	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Trần Kim Sa	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Trần Kim Cương	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc
Yang Tuấn An	Phụ trách quản trị Công ty
Trần Cửu Long	Người có liên quan của người nội bộ
Trần Thị Hồng	Người có liên quan của người nội bộ
Trần Ngọc Phụng	Người có liên quan của người nội bộ
Yang Hỷ An	Người có liên quan của người nội bộ
Công ty Cổ phần CL	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ Tầng và Phát Triển Năng Lượng Mới (Tên cũ: Công ty TNHH TM DV Kỹ thuật Kim Minh Phú)	Công ty liên kết
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Minh Phương	Công ty liên kết
Công ty TNHH Thương Mại và Đầu Tư Khải Nguyên	Công ty chịu sự kiểm soát từ các bên liên quan của người nội bộ
Công ty Cổ phần Sản Xuất và Phát Triển Công Nghệ Sao Việt	Công ty chịu sự kiểm soát từ các bên liên quan của người nội bộ
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và người công bố thông tin	Ban điều hành

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
b.1 Bán hàng hóa, dịch vụ		
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Khải Nguyên	526.500.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Phát triển Công nghệ Sao Việt	10.558.494.000	-
b.2 Mua hàng hóa, dịch vụ		
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Khải Nguyên	4.870.938.422	-
b.3 Mượn tiền		
Nguyễn Thanh Quang	-	5.463.477.247
Trần Kim Sa	-	17.186.281.577
Trần Kim Cương	-	6.665.869.650

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan (Tiếp theo)

	<i>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025</i>	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024</i>
b.4 Trả tiền mượn bằng tiền và cân trừ công nợ		
Nguyễn Thanh Quang	-	5.463.477.247
Trần Kim Sa	-	31.627.194.629
Yang Tuấn An	-	6.118.350.350
Yang Hỷ An	-	5.885.000.000
Trần Kim Cương	-	8.813.748.775
b.5 Tạm ứng		
Trần Kim Sa	18.879.889.354	27.199.999.986
b.6 Thu hồi tạm ứng bằng tiền và cân trừ công nợ		
Trần Kim Sa	34.941.889.355	27.199.999.986
b.7 Hoàn ký quỹ bằng tiền và cân trừ công nợ		
Trần Kim Sa	-	3.954.920.100
b.8 Khoản đã thanh toán tiền đền bù giao dịch bán giải chấp tài sản là cổ phiếu cho Công ty mượn để thế chấp cho khoản vay		
Trần Kim Sa	-	22.687.500.000

Thù lao và lương Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và người quản lý khác:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>	<i>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025</i>	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024</i>
Nguyễn Thanh Quang	Chủ tịch HĐQT	160.322.769	139.038.462
Trần Kim Sa	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	153.561.730	139.038.462
Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên HĐQT độc lập	-	-
Nguyễn Trí Huệ	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	135.415.232	139.615.385
Trương Thế Vinh	Thành viên HĐQT độc lập	-	-
Trần Kim Cương	Phó Tổng Giám đốc kiêm Ủy quyền Công bố TT	129.956.162	138.070.000
Ngô Hoàng Yến	Phó Giám đốc	-	-
Yang Tuấn An	Phụ trách Quản trị Công ty	-	-
Trần Thanh Đăng	Kế toán trưởng	56.597.470	-
Lê Việt Duy	Trưởng Ban Kiểm soát	-	-
Vũ Thị Chinh	Thành viên Ban Kiểm soát	-	-
Chu Hồng Nhung	Thành viên Ban Kiểm soát	-	-
Cộng		635.853.363	555.762.308

c. Số dư cuối kỳ với các bên liên quan

	Ngày 30/06/2025	Ngày 01/01/2025
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh V.02)		
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ Tầng và Phát triển Năng lượng Mới	14.932.565.680	14.932.565.680
Công ty Cổ phần Sản xuất và Phát triển Công nghệ Sao Việt	47.860.343.828	40.072.849.828
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Khải Nguyên	526.500.000	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh V.03)		
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ Tầng và Phát triển Năng lượng Mới	40.929.190.000	31.629.190.000
Phải thu khác (Thuyết minh V.06)		
Trần Kim Sa	38.476.642.564	52.578.642.565
Trần Cửu Long	14.384.480.000	14.384.480.000
Yang Tuấn An	4.704.800.000	4.704.800.000
Trần Kim Cương	-	1.960.000.000
Phải trả cho người bán (Thuyết minh V.14)		
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Khải Nguyên	1.983.594.466	302.432.900
Giá trị tài sản mượn bên liên quan là bất động sản để đảm bảo cho các khoản vay (*)		
Trần Cửu Long	42.423.000.000	42.423.000.000
Trần Kim Cương	5.784.000.000	3.824.000.000
Trần Kim Sa	137.917.411.117	152.992.211.442
Yang Tuấn An	13.838.000.000	13.838.000.000
Giá trị tài sản mượn bên liên quan là cổ phiếu "DDG" để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay (*)		
Nguyễn Thanh Quang	6.250.000.000	6.250.000.000
Trần Kim Sa	7.551.097.850	8.851.097.850
Trần Kim Cương	6.250.000.000	6.250.000.000

Ghi chú:

Số dư tại ngày 30/06/2025 và các giao dịch trọng yếu đã được trình bày lại để phù hợp với danh sách các đơn vị liên quan đã nêu tại Thuyết minh VIII.3.a.

(*) Giá trị của tài sản mượn bên liên quan căn cứ theo giá trị định giá ban đầu tại ngày ký hợp đồng thế chấp và cập nhật bởi các biên bản thẩm định giá của Ngân hàng (nếu có).

4. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Sản phẩm của Công ty chủ yếu được tiêu thụ tại cùng một khu vực địa lý, không có sự khác biệt đáng kể về lợi ích kinh tế hay chịu rủi ro. Do đó, Ban Tổng Giám đốc cũng quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Chỉ tiêu	Hoạt động thương mại	Hoạt động cung cấp hơi, nhiệt, bã hèm	Tổng cộng
Doanh thu thuần	13.848.994.441	48.207.313.142	62.056.307.583
Giá vốn	13.322.267.137	73.001.972.180	86.324.239.317
Lợi nhuận gộp	526.727.304	(24.794.659.038)	(24.267.931.734)

5. GIẢ ĐỊNH HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 363.130.182.430 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 202.676.177.445 VND) và chỉ tiêu "Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn" có khoản quá hạn chưa thanh toán là 663.751.986.489 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 539.344.867.555 VND). Những điều kiện và sự kiện này có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Công ty có thể không thực hiện thành công một hoặc nhiều kế hoạch của Công ty, kết hợp với các sự kiện và điều kiện khác trong tương lai, có thể khiến Công ty không thể tiếp tục hoạt động liên tục. Trong trường hợp đó, Công ty có thể không thu hồi được giá trị tài sản và thanh toán được các khoản nợ phải trả của mình trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty trong ít nhất 12 tháng tới kể từ ngày của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Công ty đã lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên giả định hoạt động liên tục. Giả định này phụ thuộc chủ yếu vào việc Công ty có thể (1) đàm phán với các bên cho vay và các trái chủ để tái cấu trúc lại các khoản nợ gốc và nợ lãi khi đến hạn, (2) thu được tiền từ các hàng hóa, dịch vụ đã bán, (3) các cổ đông lớn cam kết sẽ cung cấp hỗ trợ tài chính cho Công ty khi cần thiết.

Các giả định chính và yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về hoạt động liên tục bao gồm:

- (i) Đàm phán thành công với các bên cho vay và các trái chủ để tái cấu trúc lại các khoản nợ gốc và nợ lãi khi đến hạn.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, tổng số nợ vay, nợ thuê tài chính và nợ trái phiếu của Công ty là 664.891.355.924 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 680.872.668.041 VND). Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty đang trong quá trình đàm phán việc thanh toán các số dư còn lại như sau:

- Đối với khoản nợ trái phiếu: Công ty đã tổ chức Hội nghị người sở hữu trái phiếu vào ngày 06 tháng 06 năm 2025 và được các Trái chủ thông qua phương án xử lý tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Theo phương án đã được phê duyệt, gói trái phiếu được bảo đảm bằng 07 tài sản sẽ được định giá lại và xử lý toàn bộ. Tại thời điểm lập báo cáo, Công ty đang tích cực triển khai các thủ tục cần thiết, làm việc với các bên liên quan nhằm tìm kiếm nhà đầu tư/khách hàng tiềm năng và đẩy nhanh tiến độ bán các tài sản bảo đảm theo kế hoạch thực hiện trong năm 2026, qua đó tạo nguồn tiền để thanh toán nghĩa vụ trái phiếu và đảm bảo khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

- Đối với các khoản nợ vay và nợ thuê tài chính: Công ty hiện đang triển khai đồng thời các phương án xử lý, bao gồm: (i) đàm phán, thỏa thuận về việc tự thanh lý tài sản bảo đảm và bàn giao tài sản cho chủ nợ để thực hiện bán đấu giá nhằm thanh toán các khoản nợ vay; và (ii) làm việc với các chủ nợ để cơ cấu lại các khoản vay, trong đó Công ty đã đạt được một số thỏa thuận sơ bộ và hiện đang trong quá trình hoàn tất các điều kiện tiên quyết để các phương án cơ cấu có hiệu lực. Các chủ nợ vẫn sẵn sàng thương thảo về việc chấp thuận gia hạn và tạo điều kiện để Công ty có thời gian thực hiện các biện pháp khắc phục. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng khả năng hoàn tất các điều kiện tiên quyết nêu trên là khả thi, qua đó hỗ trợ Công ty trong việc duy trì khả năng hoạt động liên tục.

- (ii) Thu tiền thành công từ các hàng hóa, dịch vụ đã bán

Công ty đang tích cực triển khai các biện pháp thu hồi công nợ từ khách hàng và ghi nhận tiến độ thực hiện hiện tại là tương đối thuận lợi. Trên cơ sở các thỏa thuận và đánh giá tại thời điểm lập báo cáo, Công ty sẽ sử dụng nguồn tiền thu được để tài trợ cho các dự án đang triển khai và phục vụ cho nhu cầu duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường trong 12 tháng tiếp theo.

5. GIÁ ĐỊNH HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC (TIẾP THEO)

- (iii) Các cổ đông lớn sẽ cung cấp hỗ trợ tài chính cho Công ty khi cần thiết như trong các thư cam kết hỗ trợ tài chính đã ký nhằm giúp Công ty thanh toán các khoản nợ đến hạn khi cần thiết và để Công ty duy trì hoạt động liên tục ít nhất trong 12 tháng tiếp theo kể từ ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được phê chuẩn. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng các cam kết hỗ trợ tài chính này sẽ được thực hiện kịp thời khi Công ty cần đến sự hỗ trợ tài chính từ các cổ đông lớn.

Từ các yếu tố nêu trên, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty sẽ có đủ nguồn vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh của Công ty và có khả năng đáp ứng các nghĩa vụ đến hạn của Công ty trong 12 tháng tới kể từ ngày phê chuẩn Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 được lập trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục là phù hợp.

6. THÔNG TIN SO SÁNH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 trình bày ý kiến ngoại trừ việc Công ty đã điều chỉnh ngưng khấu hao tạm thời đối với một số nhà xưởng, máy móc thiết bị của các dự án chưa hoặc không phát sinh doanh thu trong năm 2024 với giá trị là 17.107.112.648 đồng. Tại báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định điều chỉnh hồi tố do thực hiện trích bổ sung chi phí khấu hao của các tài sản nêu trên với giá trị là 17.107.112.648 đồng vào số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2024. Theo đó, các chỉ tiêu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu 31/12/2024 (trước điều chỉnh)	Các điều chỉnh	Số liệu 31/12/2024 (sau điều chỉnh)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ				
TÀI SẢN				
Tài sản cố định hữu hình	221	780.060.615.406	(17.107.112.648)	762.953.502.758
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(346.720.816.306)	(17.107.112.648)	(363.827.928.954)
NGUỒN VỐN				
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(102.810.825.472)	(17.107.112.648)	(119.917.938.120)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b	(9.886.303.891)	(17.107.112.648)	(26.993.416.539)

Số liệu so sánh (còn lại) là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2024 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán và soát xét.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2025

Tổng Giám đốc

Võ Thị Thu Vân

Trần Thanh Đăng



Trần Kim Sa